



CÔNG TY TNHH PANEL HOME VINA

Uy tín - Chất lượng - Bền vững

Địa chỉ trụ sở chính: 196 đường Vĩnh Khang, đội 5, xã Ngọc Hồi, Tp Hà Nội

VP TPHCM: Tân Hòa Đông, P. Bình Trị Đông, Tp Hồ Chí Minh

Nhà máy 1: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh

Nhà máy 2: Kim Thành, xã Thanh Oai, Tp Hà Nội

Hotline: 0901 149 298 - 0989149859

Email: panelhome.vina@gmail.com

Website: panelhome.com.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/panelgiarenhat/>

YouTube: Panel Home – Sản xuất và Thi công Panel Uy Tín

Zalo OA: Panel Home



Panel Product
Catalog

**CÔNG TY TNHH
PANEL HOME VINA**

Uy tín - Chất lượng - Bền vững

GIỚI THIỆU

INTRODUCTION

Panel Home tiên phong trong giải pháp cách nhiệt với dây chuyền sản xuất hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc. Chúng tôi tự hào cung cấp các dòng panel chất lượng cao như EPS, Rockwool, PU, Glass Wool... đáp ứng mọi tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe. Song song đó là loạt vật liệu cải tiến như tấm ốp than tre, nhựa nano, trần 36,... góp phần kiến tạo không gian sống và làm việc hoàn hảo, hiệu quả và bền vững.

Không chỉ là nhà sản xuất panel, Panel Home còn cung cấp trọn bộ hệ sinh thái gồm cửa đi, cửa kho lạnh, cửa sổ và phụ kiện đồng bộ. Đặc biệt, các giải pháp nhà lắp ghép hiện đại, linh hoạt giúp tối ưu chi phí và rút ngắn thời gian thi công.

Chúng tôi lấy "Uy tín" làm nền tảng, "Chất lượng" làm cam kết, và "Phát triển bền vững" là định hướng chiến lược cốt lõi – với mục tiêu trở thành đơn vị dẫn đầu trong sản xuất và thi công panel tại Việt Nam.

Panel Home offers cutting-edge insulation solutions powered by modern production lines imported from Korea. Our premium panels - EPS, Rock Wool, PU, Glass Wool - are engineered to meet the most demanding standards. Alongside, we introduce next-gen materials like bamboo charcoal panels, nano plastic, and 36,...grid ceilings to deliver high-performance, sustainable spaces.

Beyond panels, we provide a full ecosystem: doors, cold storage solutions, windows, and accessories - along with diverse, modern prefabricated housing systems that redefine speed and efficiency in construction.

With "Trust" as our foundation, "Quality" as our promise, and "Sustainability" as our strategy, Panel Home is committed to becoming a leading manufacturer and construction expert in the panel industry.

PANEL HOME VINA

UY TÍN
CHẤT LƯỢNG
BỀN VỮNG

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

OPERATING CAPACITY





PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

SCOPE OF OPERATION



HA NỘI

BAC NINH

TP HO CHI MINH



Địa chỉ trụ sở chính:

196 đường Vĩnh Khang, đội 5,
xã Ngọc Hồi, Tp Hà Nội



Nhà máy 1:

KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn,
xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh



Nhà máy 2:

Kim Thành, xã Thanh Oai,
Tp Hà Nội



Văn phòng TP. HCM:

Tân Hòa Đông, P. Bình Trị Đông,
Tp Hồ Chí Minh

CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

TECHNICAL FACILITIES



Máy sản xuất panel



Máy cắt nhôm 2 đầu



Dây chuyền sản xuất tấm nano PVC



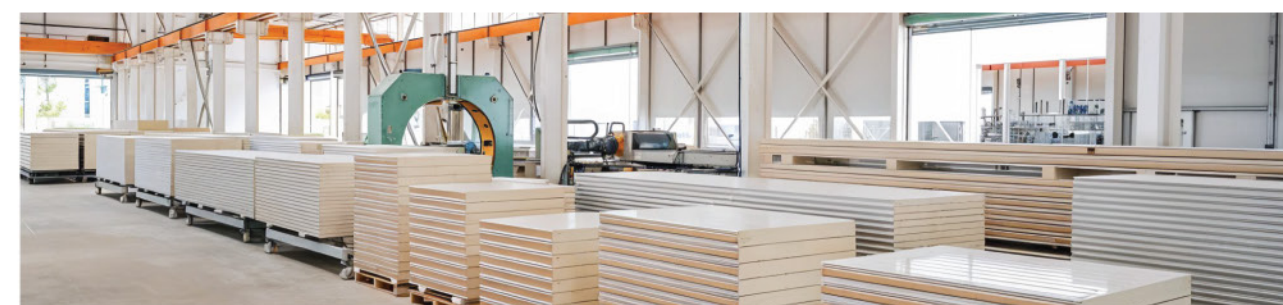
Dây chuyền sản xuất tấm ốp than tre



Xe nâng



Hệ thống xe vận chuyển miễn phí



CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

CERTIFICATIONS AND AWARDS

Top 10 thương hiệu sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao vì nhà tiêu dùng 2024
Top 10 brands of high quality products and services for consumers 2024



VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
INSTITUTE FOR STANDARD AND QUALITY DEVELOPMENT STUDIES



VICAS 083 - QMS

CERTIFICATE

BAO TIN CONSTRUCTION AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED
Headquarter: Group 5, Yen Kien Village, Ngoc Hoi Commune, Thanh Tri District, Hanoi, Vietnam
Factory 1 : Lot C1-1, Dai Dong – Hoan Son Industrial park, Hoan Son Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province, Vietnam
Factory 2: Kim Thanh Village, Kim Thu Commune, Thanh Oai District, Hanoi, Vietnam

has been assessed and found to conform
with the requirements of the following standard:

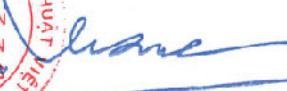
ISO 9001:2015
Quality Management System
for the following activities:

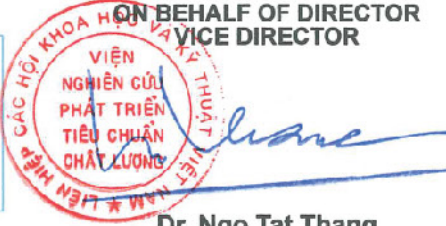
- Manufacturing and constructing Panel^(*);
- Designing and constructing clean room^(*)

Certificate number: HT 3299; Code: 3299-24-01/01
First time certification: 24 / 7 / 2024
Period of validation: from 29 / 8 / 2024 to 23 / 7 / 2027
(In order to maintain the 3-year validity of the Certificate, the unit must complete the 1st monitoring evaluation procedure before the date 23 / 7 / 2025, the 2nd monitoring before the date 23 / 7 / 2026)

CERTIFICATION BOARD
CHAIRMAN

Professor. Dr. Nguyen Hong Son

ON BEHALF OF DIRECTOR
VICE DIRECTOR

Dr. Ngo Tat Thang



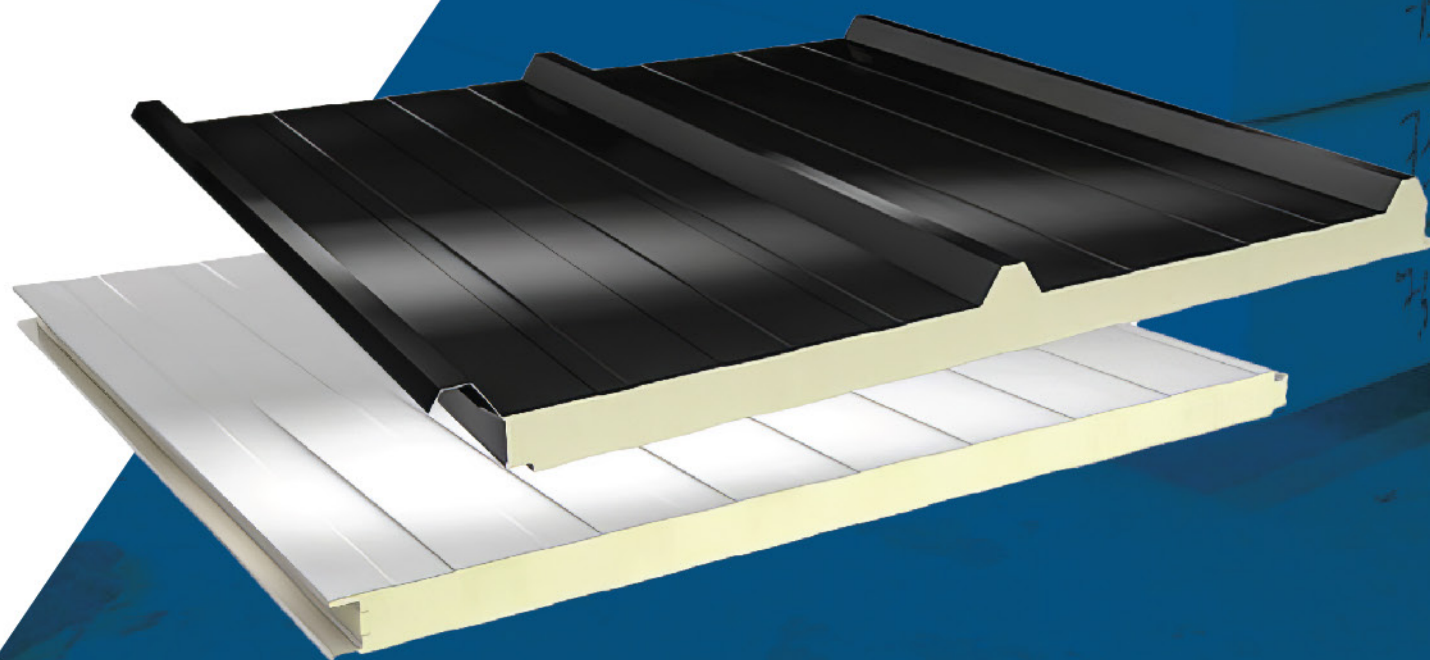
INSTITUTE FOR STANDARD AND QUALITY DEVELOPMENT STUDIES
Address: No. 52/46, Lien Mac street, Lien Mac ward, Bac Tu Liem district, Hanoi, Vietnam
Tell: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn



Note: (*) Scope of Quality management system has been accredited in accordance with the Standard ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/IEC 17021-3:2017

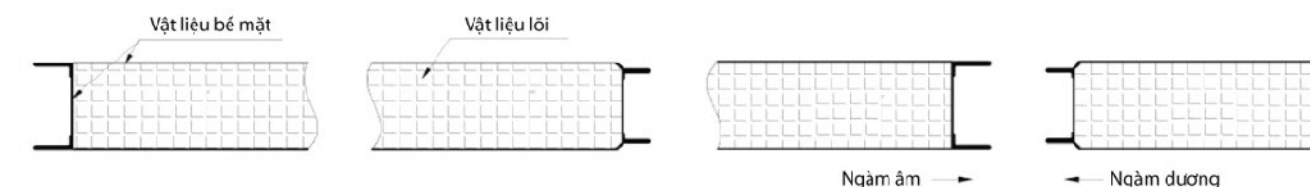
CÁC LOẠI TẦM PANNEL

TYPES OF PANELS

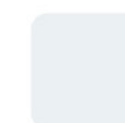


PANEL TƯỜNG TRONG EPS - TRẦN EPS

EPS WALL PANEL - EPS CEILING



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory



Vân gỗ
Wood grain

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

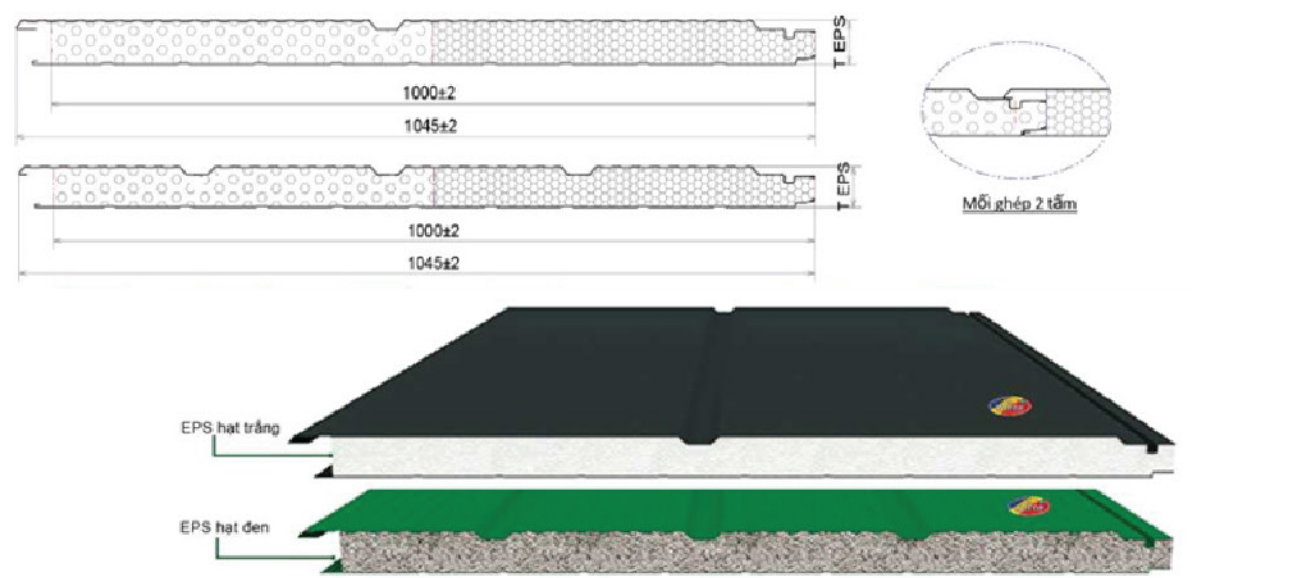
Phân loại	Thông số kỹ thuật
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Giấy bạc phẳng 0,30 ~ 0,80 mm - Phẳng hoặc có gân
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường/Chống cháy lan
Tỉ trọng (kg/m³)	8÷25
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1000/1025
Độ dày EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000

Division	Specification
Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Aluflim 0,30 ~ 0,80 mm - Flat or waves
Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Overall Density (kg/m³)	8÷25
W (mm)	1000/1025
D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI EPS
EPS EXTERNAL WALL PANEL



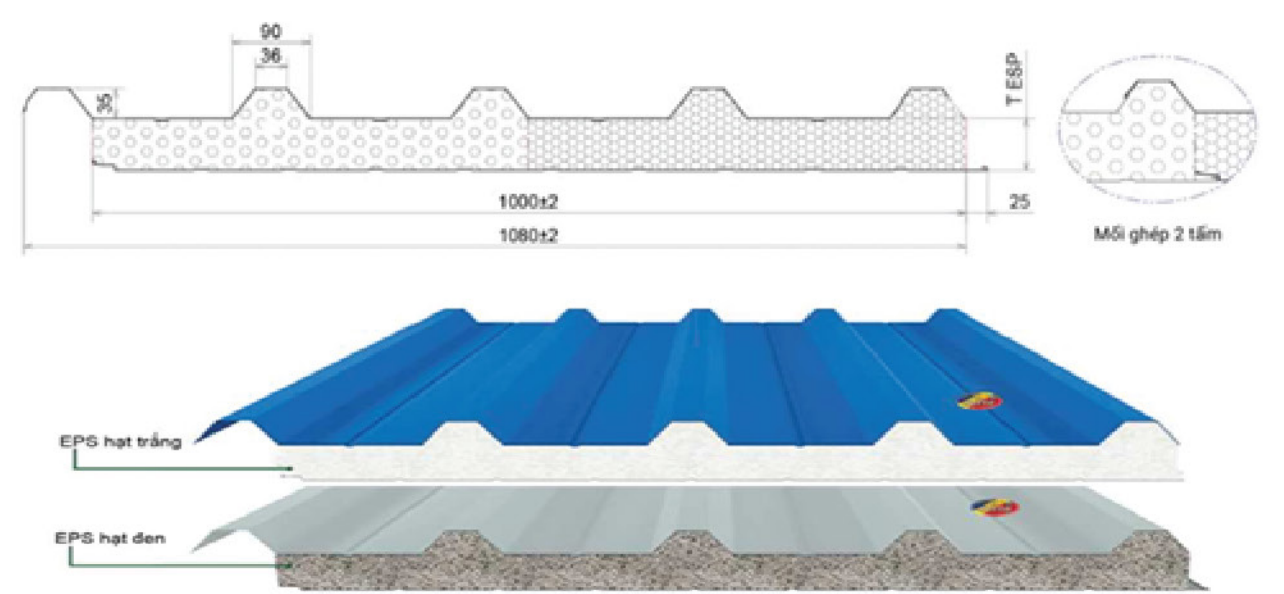
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Table with 4 columns: Phân loại, Thông số kỹ thuật, Division, Specification. Rows include Sheath material, Interior material, Overall Density, W, D EPS, and L.

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



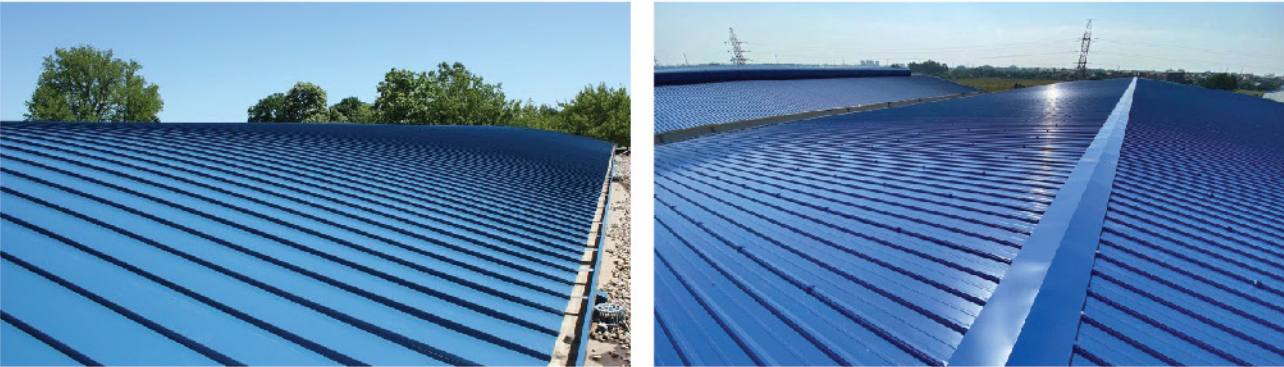
PANEL MÁI LỢP 5 SÓNG EPS
5 WAVE EPS ROOF PANEL



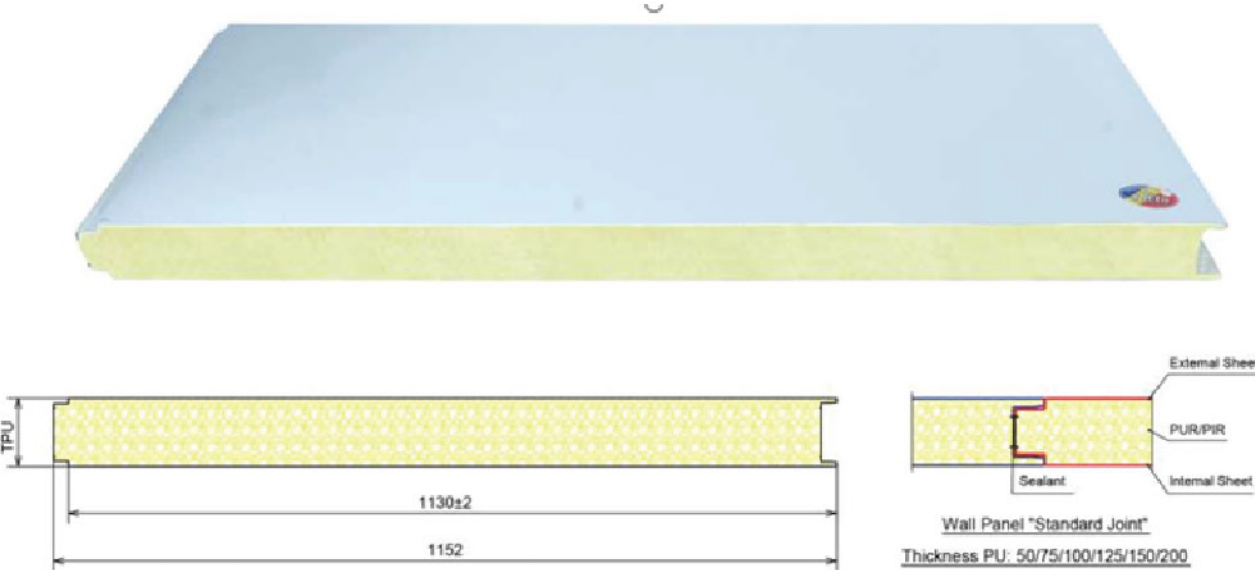
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Table with 4 columns: Phân loại, Thông số kỹ thuật, Division, Specification. Rows include Sheath material, Interior material, Overall Density, W, D EPS, and L.

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG TRONG (PU/PIR)
INTERIOR WALL PANEL (PU/PIR)



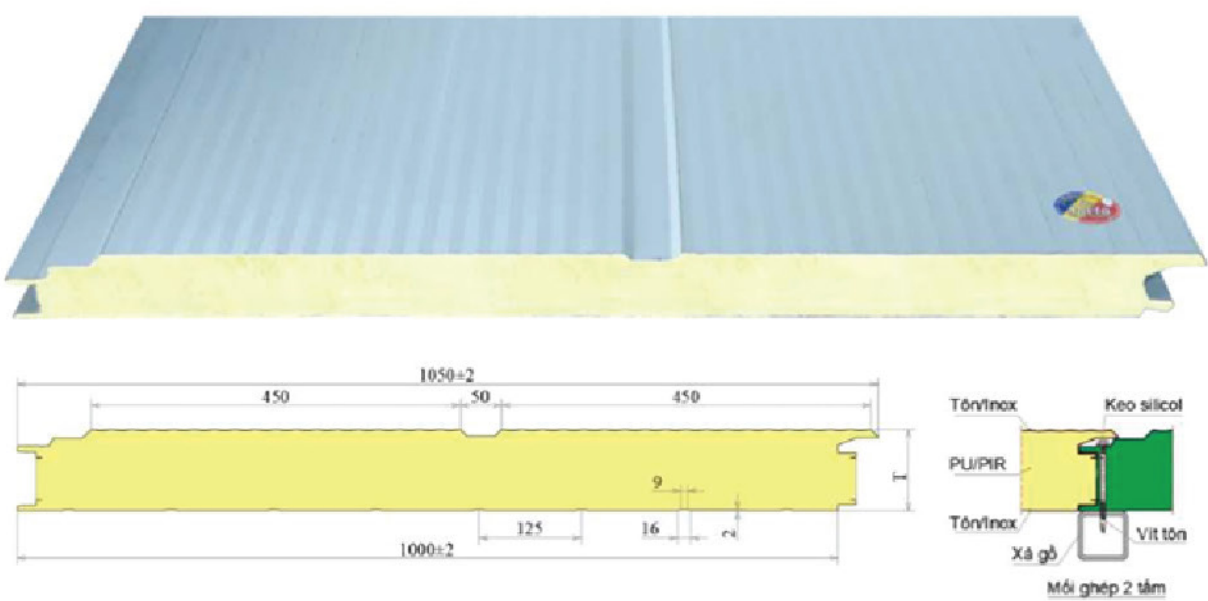
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Giấy bạc phẳng 0.40 mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Aluflin 0.40 mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường/Chống cháy lan	Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Tỉ trọng (kg/m³)	8÷25	Overall Density (kg/m³)	8÷25
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1.130/1.152	W (mm)	1.130/1.152
Độ dày PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI (PU/PIR)
EXTERNAL WALL PANEL (PU/PIR)



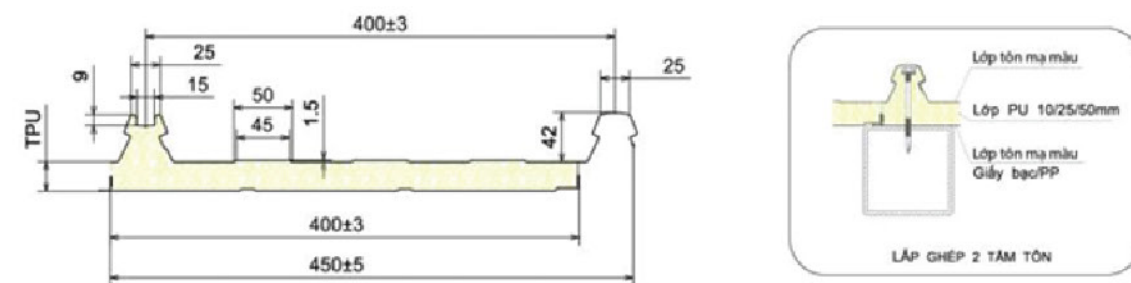
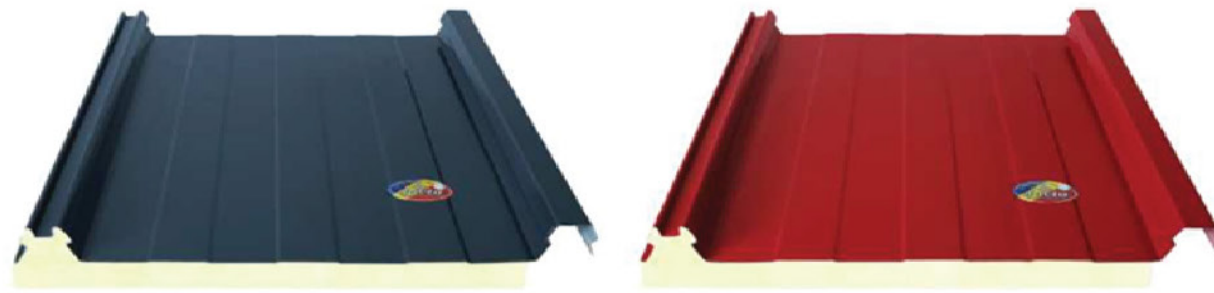
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Giấy bạc phẳng 0.40 mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Aluflin 0.40 mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường/Chống cháy lan	Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Tỉ trọng (kg/m³)	8÷25	Overall Density (kg/m³)	8÷25
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1.000/1.050	W (mm)	1.000/1.050
Độ dày PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



2-WAVE PU ROOFING PANEL



Màu đỏ
Red



Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise

Trắng sữa
White

Vàng kem
ivory

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ *PRODUCT SPECIFICATION*

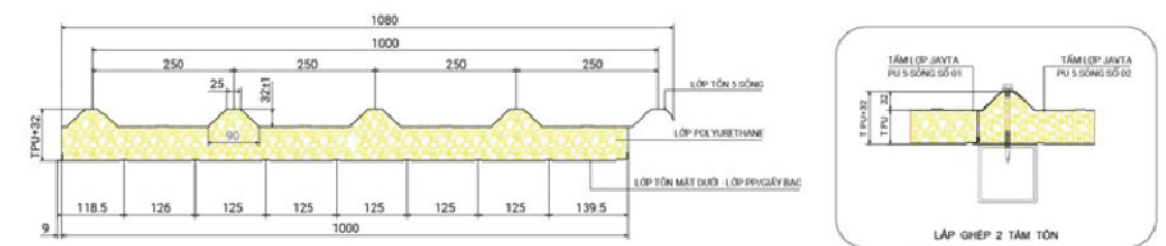
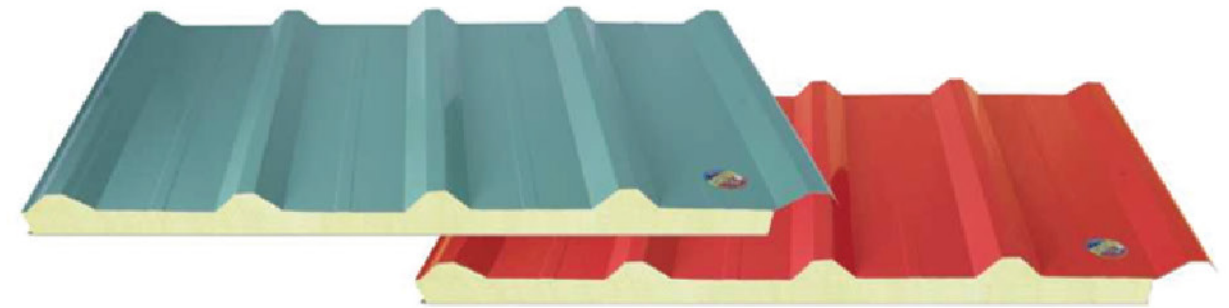
Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Lớp thứ nhất	Tôn 2 sóng 0.35 ~ 0.50 mm	Sheath material	2-wave sheet 0.35 ~ 0.50 mm
Lớp thứ hai	Pu tỉ trọng 38 ± 3kg/m³	Interior material	PU proportion 38 ± 3kg/m³
Lớp thứ ba	PP/Alufilm/Tôn phẳng 0.30 ~ 0.45 mm	Sheath material	PP/Alufilm/Flat sheet 0.30 ~ 0.45 mm
Độ dày PU (mm)	10, 15, 20, 25, 30, 40, 50, 60	D PU (mm)	10, 15, 20, 25, 30, 40, 50, 60
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	400/450	W PU (mm)	400/450
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển (33m)	L (mm)	Carryable length, Max 33m

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL PU MÁI LỢP 5 SÓNG

8-WAVE PU ROOFING PANEL



Màu đỏ
Red



Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise

Trắng sữa
White

Vàng kem
ivory

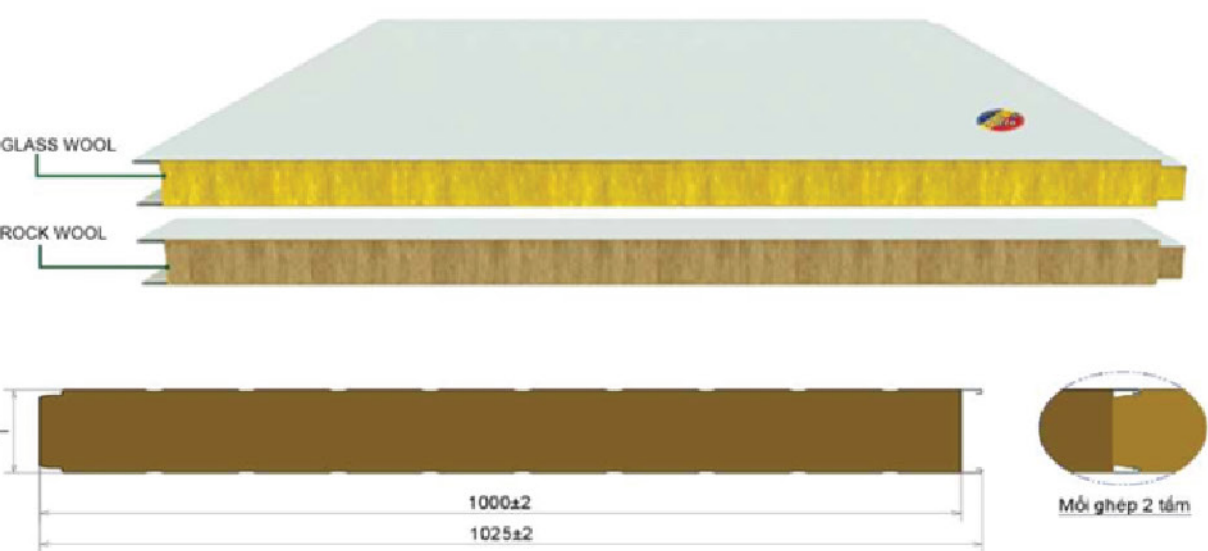
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ *PRODUCT SPECIFICATION*

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Lớp thứ nhất	Tôn 2 sóng 0.30 ~ 0.50 mm	Sheath material	2-wave sheet 0.30 ~ 0.50 mm
Lớp thứ hai	Pu tỉ trọng 38 ± 3kg/m³	Interior material	PU proportion 38 ± 3kg/m³
Lớp thứ ba	PP/Alufim/Tôn phẳng 0.30 ~ 0.45 mm	Sheath material	PP/Alufim/Flat sheet 0.30 ~ 0.45 mm
Độ dày PU (mm)	20, 40, 50, 60	D PU (mm)	20, 40, 50, 60
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1.000/1.080	W PU (mm)	1.000/1.080
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển	L (mm)	Carriable length

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG TRONG (GLASSWOOL/ROCKWOOL)
INTERIOR WALL PANEL (GLASSWOOL/ROCKWOOL)



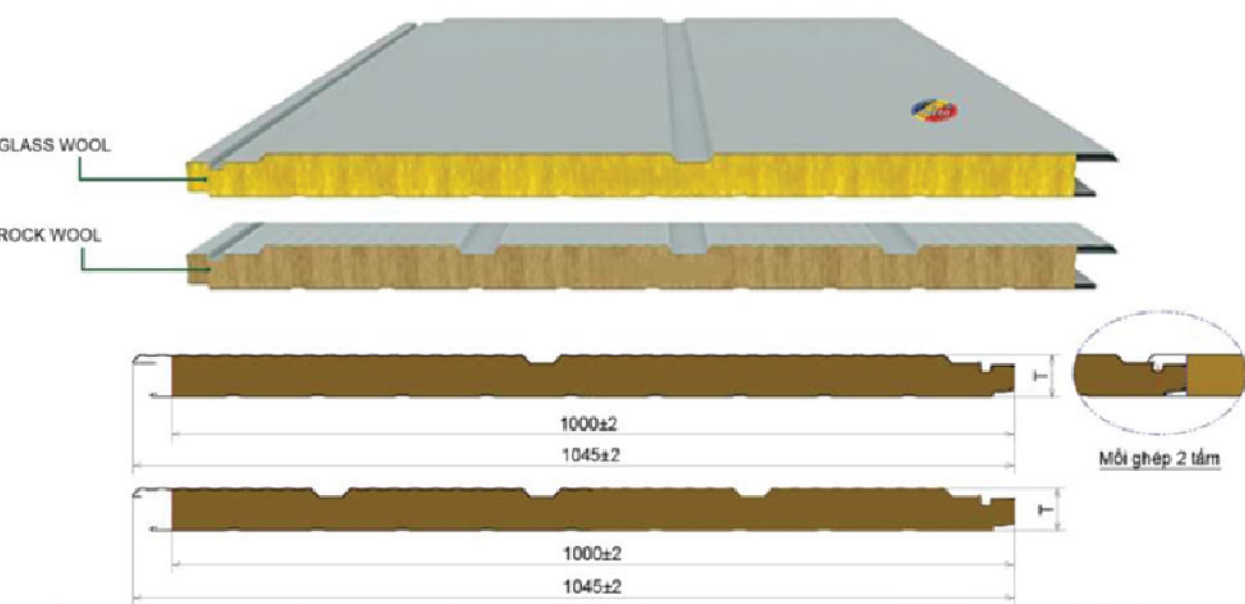
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80 mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Aluflin 0.40 ~ 0.80 mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Bông sợi thủy tinh/Bông khoáng	Interior material	Glasswool/Rockwool
Tỉ trọng (kg/m³)	Glasswool 48÷64/Rockwool: ≥90	Overall Density (kg/m³)	Glasswool 48÷64/Rockwool: ≥90
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1.000/1.025	W (mm)	1.000/1.025
Độ dày EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI (GLASSWOOL/ROCKWOOL)
+ EXTERIOR WALL PANEL (GLASSWOOL/ROCKWOOL)



THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80 mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Aluflin 0.40 ~ 0.80 mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Bông sợi thủy tinh/Bông khoáng	Interior material	Glasswool/Rockwool
Tỉ trọng (kg/m³)	Glasswool 48÷64/Rockwool: ≥90	Overall Density (kg/m³)	Glasswool 48÷64/Rockwool: ≥90
Khổ hiệu dụng/ Khổ sản phẩm (mm)	1.000/1.045	W (mm)	1.000/1.045
Độ dày EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



CỬA PANEL/ *PANEL DOOR*

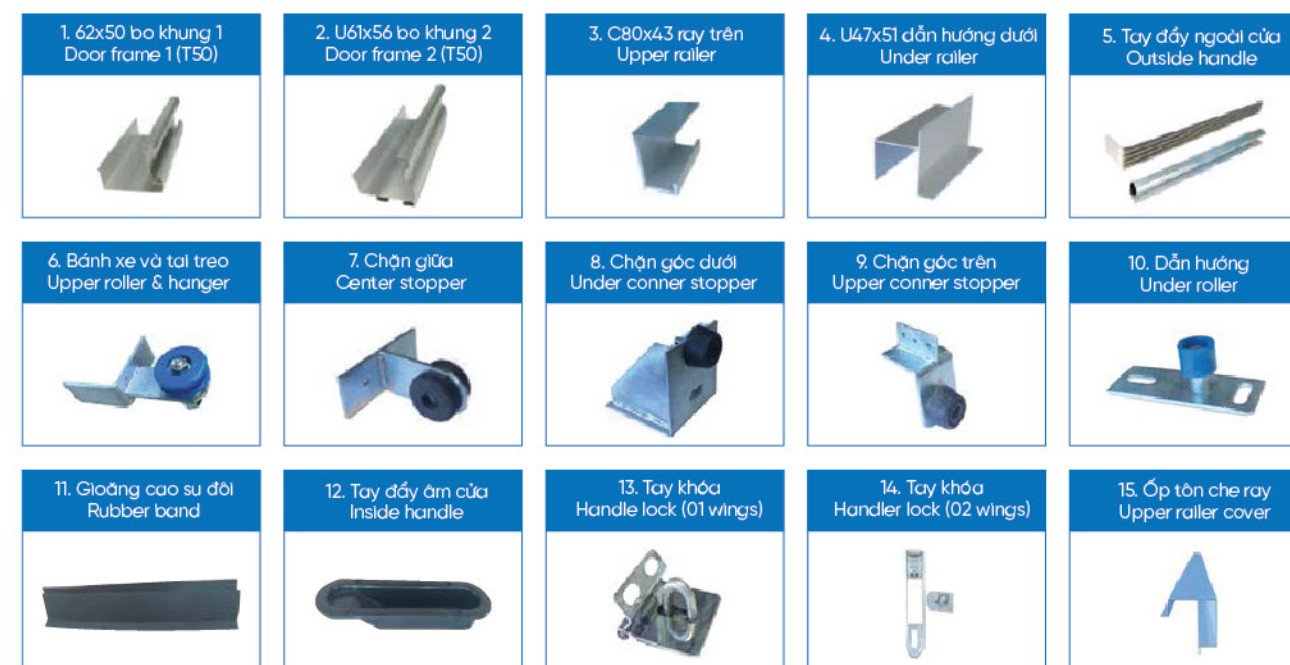
Hệ cửa Panel là một phần quan trọng trong các công trình sử dụng Panel. Cửa Panel tạo thẩm mỹ và sự đồng bộ cao cho cả công trình. Cửa Panel được làm từ các tấm Panel (EPS, Glasswool...), viền xung quanh là hệ khung Profile nhôm định hình và hệ phụ kiện chuyên dụng đồng bộ.

Cửa Panel, có 2 dạng là cửa bản lề cánh mở quay và cửa cánh treo mở trượt. Với ưu điểm nhẹ, khả năng cách âm cách nhiệt vượt trội, hiệu quả kinh tế cao nên cửa panel được ưa thích và sử dụng rộng rãi.

Panel Door systems is an important part of the process of using the Sandwichpanel. The Panel Door to create aesthetic and high consistency for Projects. Panel Door is made from sandwichpanels (EPS, Glasswool...), border frame aluminum profile systems and specialized accessories.

Panel Door has two types are Swings Door and Hanger Door. With advantage are using light weight materials, the possibility of the sound insulation, high economic efficiency so the Panel Door are preferred and used widely.

CỬA PANEL TREO MỞ TRƯỢT/ *SLIDE HANGER DOOR*



CỬA PANEL MỞ BẢN LỀ (T400MM, T500MM)/ *SWING PANEL DOOR (T400MM, T500MM)*



Ô KÍNH CỐ ĐỊNH TRÊN PANNEL/ *GLASS FIX ON PANEL*



PHỤ KIỆN NHÔM/ALUMINIUM ACCESSORI

U nhôm/U bar (50T, 75T, 100T)	V nhôm/V bar 38x38	V nhôm/V bar 20x38	V nhôm/V bar 38x70	V bo tròn góc lõm Round corner
U nhôm 50T có 2 rãnh chèn gioăng cao su	U nhôm bo tròn 2 cánh 50mm Double round U bar	Nhôm kính cố định/Fix bar 40, 50, 75, 100T	Nhôm kính cửa sổ cố định 50T Fix window 50T	Nhôm bo góc (C sập) Round corner bar
T nhôm treo trần T bar ceiling	T nhôm treo trần 2 tầng	Thanh nhôm T120x53x2mm	Nửa chân đế Half base round	U nhôm bo tròn 1 bên 50mm Single round U bar
Nhôm góc lõm (Y tế)	Bo góc lõm - điện tử Corner point (small)	C tay treo trượt C track	Khuôn cửa bao ốp vách panel	Nhôm bao cánh 40T In frame door 40T
Ray dẫn hướng Guide bar	Khuôn nhôm ốp cửa 50T, 75T Out door frame	Nhôm ốp cửa 50T In/Out frame door 50T	Thanh nhôm H nối đôi H bar - double	Trụ bo góc ngoài Out round corner
Nhôm bo tròn dài Long J mould	Thanh nhôm nối đơn H bar single	Nhôm H đen	Miếng bo góc ngoài	Miếng bo chân cửa trái/phải

PHỤ KIỆN CHE KHỚP NỐI/ALUMINIUM ACCESSORI

Các sản phẩm này giúp loại bỏ khe hở, chống dột, tiết kiệm chi phí vật liệu và nhân công, đồng thời mang lại vẻ ngoài gọn gàng và tinh tế cho công trình của bạn.

Ốp nóc mái phía trên (Hình chữ A) <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>150x150</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>180x180</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>200x200</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>250x250</td></tr> </table>	AxB	150x150	AxB	180x180	AxB	200x200	AxB	250x250	Ốp nóc mái phía trên (Không bo cạnh) <table border="1"> <tr><td>50T</td><td>AxB</td><td>180</td></tr> <tr><td>75T</td><td>AxB</td><td>180</td></tr> <tr><td>100T</td><td>AxB</td><td>180</td></tr> <tr><td>125T</td><td>AxB</td><td>180</td></tr> <tr><td>150T</td><td>AxB</td><td>230</td></tr> <tr><td>175T</td><td>AxB</td><td>255</td></tr> <tr><td>200T</td><td>AxB</td><td>280</td></tr> </table>	50T	AxB	180	75T	AxB	180	100T	AxB	180	125T	AxB	180	150T	AxB	230	175T	AxB	255	200T	AxB	280	Ốp nóc mái phía dưới <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>150x150</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>200x200</td></tr> </table>	AxB	150x150	AxB	200x200	U tôn C/S <table border="1"> <tr><td>50T</td><td>A</td><td>51</td></tr> <tr><td>75T</td><td>A</td><td>76</td></tr> <tr><td>100T</td><td>A</td><td>101</td></tr> </table>	50T	A	51	75T	A	76	100T	A	101	V tôn góc ngoài <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>40x40</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>80x40</td></tr> </table>	AxB	40x40	AxB	80x40	V tôn góc trong <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>40x40</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>80x40</td></tr> </table>	AxB	40x40	AxB	80x40												
AxB	150x150																																																																		
AxB	180x180																																																																		
AxB	200x200																																																																		
AxB	250x250																																																																		
50T	AxB	180																																																																	
75T	AxB	180																																																																	
100T	AxB	180																																																																	
125T	AxB	180																																																																	
150T	AxB	230																																																																	
175T	AxB	255																																																																	
200T	AxB	280																																																																	
AxB	150x150																																																																		
AxB	200x200																																																																		
50T	A	51																																																																	
75T	A	76																																																																	
100T	A	101																																																																	
AxB	40x40																																																																		
AxB	80x40																																																																		
AxB	40x40																																																																		
AxB	80x40																																																																		
Mảnh xối nước (dạng lõ) <table border="1"> <tr><td>50T</td><td>AxB</td><td>130</td></tr> <tr><td>75T</td><td>AxB</td><td>155</td></tr> <tr><td>100T</td><td>AxB</td><td>180</td></tr> <tr><td>125T</td><td>AxB</td><td>205</td></tr> <tr><td>150T</td><td>AxB</td><td>230</td></tr> <tr><td>175T</td><td>AxB</td><td>255</td></tr> <tr><td>200T</td><td>AxB</td><td>280</td></tr> </table>	50T	AxB	130	75T	AxB	155	100T	AxB	180	125T	AxB	205	150T	AxB	230	175T	AxB	255	200T	AxB	280	Ốp góc ngoài C/S <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>80x80</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>100x100</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>125x125</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>150x150</td></tr> </table>	AxB	80x80	AxB	100x100	AxB	125x125	AxB	150x150	Chặn nước mái 60x220x30x20	Diềm nối tường ngoài <table border="1"> <tr><td>AxB</td><td>150x150</td></tr> <tr><td>AxB</td><td>200x200</td></tr> </table>	AxB	150x150	AxB	200x200	U kẽm GI (Zinc - Steel U bar) <table border="1"> <tr><td>50</td><td>A</td><td>51</td></tr> <tr><td>75</td><td>A</td><td>76</td></tr> <tr><td>100</td><td>A</td><td>101</td></tr> </table>	50	A	51	75	A	76	100	A	101	Chân đế kẽm GI/tôn <table border="1"> <tr><td>50</td><td>A</td><td>70</td></tr> <tr><td>75</td><td>A</td><td>90</td></tr> <tr><td>100</td><td>A</td><td>115</td></tr> <tr><td>125</td><td>A</td><td>140</td></tr> </table>	50	A	70	75	A	90	100	A	115	125	A	140								
50T	AxB	130																																																																	
75T	AxB	155																																																																	
100T	AxB	180																																																																	
125T	AxB	205																																																																	
150T	AxB	230																																																																	
175T	AxB	255																																																																	
200T	AxB	280																																																																	
AxB	80x80																																																																		
AxB	100x100																																																																		
AxB	125x125																																																																		
AxB	150x150																																																																		
AxB	150x150																																																																		
AxB	200x200																																																																		
50	A	51																																																																	
75	A	76																																																																	
100	A	101																																																																	
50	A	70																																																																	
75	A	90																																																																	
100	A	115																																																																	
125	A	140																																																																	
Ốp góc trong tường bao ngoài 20x20x80x80x20x20	Ốp đầu hồi dạng thẳng <table border="1"> <tr><td>50</td><td>A</td><td>180</td></tr> <tr><td>75</td><td>A</td><td>180</td></tr> <tr><td>100</td><td>A</td><td>180</td></tr> <tr><td>125</td><td>A</td><td>180</td></tr> <tr><td>150</td><td>A</td><td>230</td></tr> <tr><td>175</td><td>A</td><td>255</td></tr> <tr><td>200</td><td>A</td><td>280</td></tr> </table>	50	A	180	75	A	180	100	A	180	125	A	180	150	A	230	175	A	255	200	A	280	Ốp đầu hồi dạng lõ <table border="1"> <tr><td>50</td><td>A</td><td>95</td></tr> <tr><td>75</td><td>A</td><td>120</td></tr> <tr><td>100</td><td>A</td><td>145</td></tr> <tr><td>125</td><td>A</td><td>170</td></tr> <tr><td>150</td><td>A</td><td>195</td></tr> <tr><td>175</td><td>A</td><td>220</td></tr> <tr><td>200</td><td>A</td><td>245</td></tr> </table>	50	A	95	75	A	120	100	A	145	125	A	170	150	A	195	175	A	220	200	A	245	Máng nước (Có giá đỡ) <table border="1"> <tr><td>50</td><td>A</td><td>210</td></tr> <tr><td>75</td><td>A</td><td>210</td></tr> <tr><td>100</td><td>A</td><td>210</td></tr> <tr><td>125</td><td>A</td><td>210</td></tr> <tr><td>150</td><td>A</td><td>260</td></tr> <tr><td>175</td><td>A</td><td>285</td></tr> <tr><td>200</td><td>A</td><td>310</td></tr> </table>	50	A	210	75	A	210	100	A	210	125	A	210	150	A	260	175	A	285	200	A	310	Đinh mái, tường, vách, trần 32 65 80 100 110 120 130mm 180 200 210 100 250 280 330mm
50	A	180																																																																	
75	A	180																																																																	
100	A	180																																																																	
125	A	180																																																																	
150	A	230																																																																	
175	A	255																																																																	
200	A	280																																																																	
50	A	95																																																																	
75	A	120																																																																	
100	A	145																																																																	
125	A	170																																																																	
150	A	195																																																																	
175	A	220																																																																	
200	A	245																																																																	
50	A	210																																																																	
75	A	210																																																																	
100	A	210																																																																	
125	A	210																																																																	
150	A	260																																																																	
175	A	285																																																																	
200	A	310																																																																	

PHỤ KIỆN KHÁC/OTHER ACCESSORIES

Mũ chụp tường bao ngoài	Mũ chụp mái	Mũ chụp vách trần	Tăng đơ/Cáp treo	Chắn nước bằng tôn	Cao su chắn nước tường
Ty treo	Ốc siết cáp	Ốc nẩy/Đinh rút	Pan Head S.D.S	Ốp diềm mái (3 sóng, 4 sóng)	Cao su mái

A modern interior space featuring dark bamboo charcoal panels on the walls and ceiling. The ceiling has recessed lighting and a long, illuminated linear light fixture. The walls are covered in dark, vertically-grained panels. A large television is mounted on the wall, and a grey sofa is visible in the foreground. The floor is made of dark wood in a herringbone pattern. A hallway leads to a white door in the background. A kitchen area with dark cabinets is visible on the left. A fruit basket sits on a table in the foreground.

TẮM THAN TRE TẮM NHỰA NANO

BAMBOO CHARCOAL PANEL
NANO PLASTIC PANEL

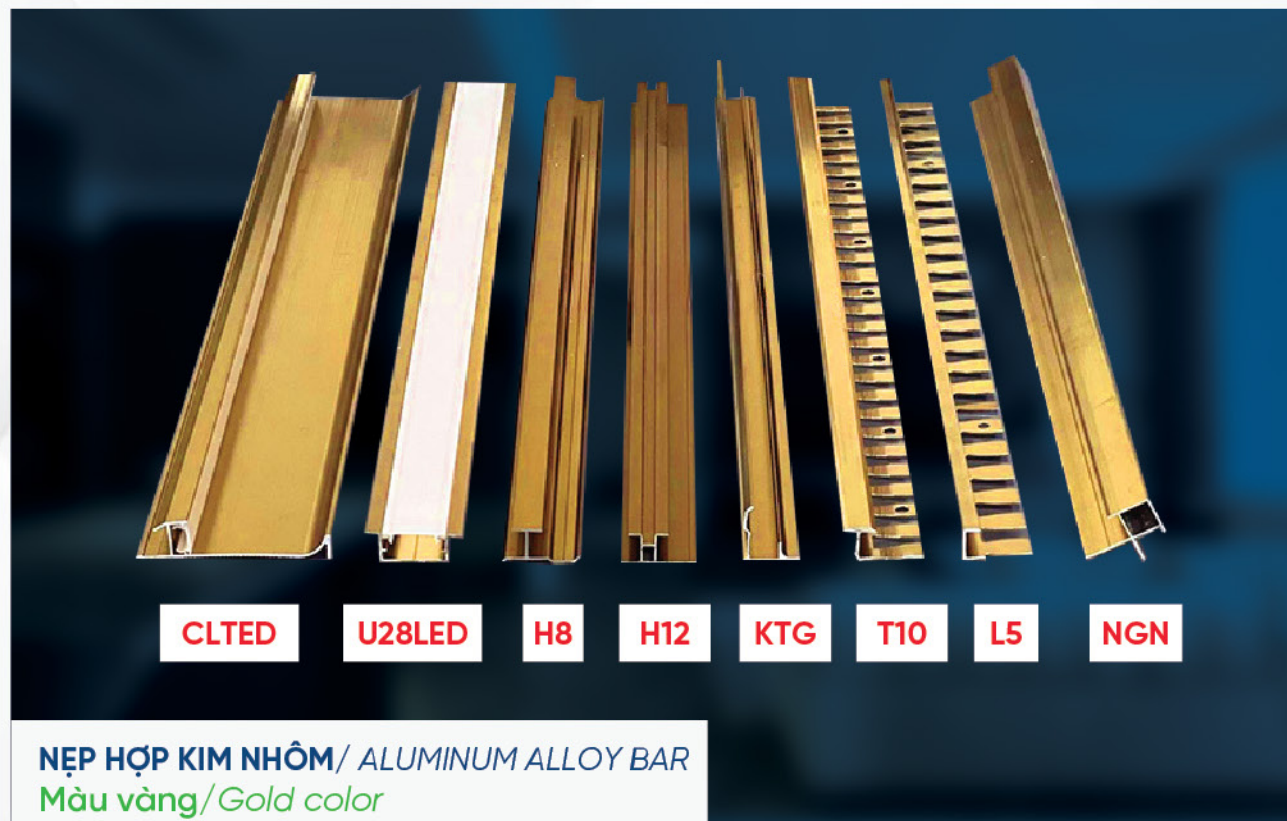
TẤM THAN TRE/ BAMBOO CHARCOAL PANELS

Tấm ốp than tre - món quà từ thiên nhiên cho ngôi nhà của bạn. Với thành phần chính là sợi than tre tự nhiên, tấm ốp không chỉ mang đến vẻ đẹp mộc mạc, sang trọng mà còn có khả năng hấp thụ formaldehyde gấp 5 lần, giúp không khí trong nhà luôn trong lành. Bề mặt nhẵn mịn, chống ẩm tốt, dễ dàng vệ sinh và đa dạng mẫu mã là những ưu điểm khiến tấm ốp than tre trở thành xu hướng nội thất được ưa chuộng hiện nay. Hơn hết chúng còn dễ dàng bo góc, uốn cong, thân thiện với môi trường.

Bamboo charcoal panels - a gift from nature for your home. With the main ingredient being natural bamboo charcoal fibers, the panels not only bring a rustic, luxurious beauty but also have the ability to absorb formaldehyde 5 times, helping to keep the air in the house fresh. Smooth surface, good moisture resistance, easy to clean and diverse designs are the advantages that make bamboo charcoal panels a popular interior trend today. Above all, they are easy to bend, bend, and are environmentally friendly.



Phụ kiện/ Accessory



BẢNG MÃ MÀU COLOR CODE

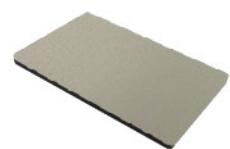
Độ dày/ Thickness: 8mm

Khổ rộng/ Wide format: 400mm, 600mm, 800mm, 1220mm

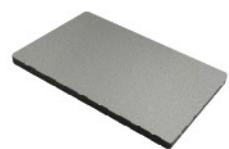
Kích thước tấm/ Plate size: 2440, 2800, 3000, 3200, 3300, 3400, 3500, 3600, 3800mm



Mã: VTT 50



Mã: VTT 51



Mã: VTT 52



Mã: VTT 53



Mã: VTT 54



Mã: VTT 55



Mã: VTT 56



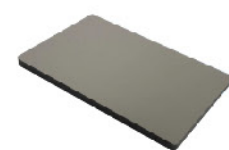
Mã: VTT 57



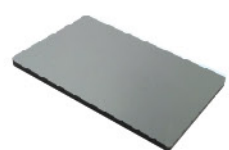
Mã: VTT 58



Mã: VTT 59



Mã: VTT 60



Mã: VTT 61



Mã: VTT 62



Mã: VTT 63



Mã: VTT 64



Mã: VTT 65



Mã: VTT 66



Mã: VTT 67



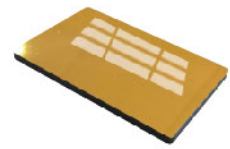
Mã: VTT 68



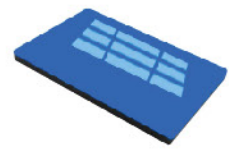
Mã: VTT 69



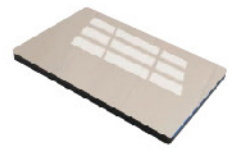
Mã: VTT 70



Mã: VTT 71



Mã: VTT 72

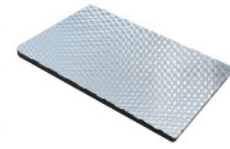


Mã: VTT 73
gương bạc

Độ dày/ Thickness: 8mm

Khổ rộng/ Wide format: 400mm, 600mm, 800mm, 1220mm

Kích thước tấm/ Plate size: 2440, 2800, 3000, 3200, 3300, 3400, 3500, 3600, 3800mm



Mã: KA 01



Mã: KA 02



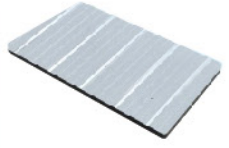
Mã: KA 03



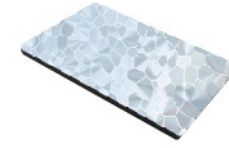
Mã: KA 04



Mã: KA 05



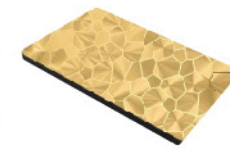
Mã: KA 06



Mã: KA 07



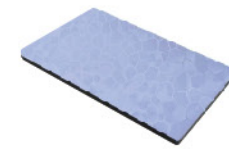
Mã: KA 08



Mã: KA 09



Mã: KA 10



Mã: KA 11



Mã: SN 01



Mã: SN 02



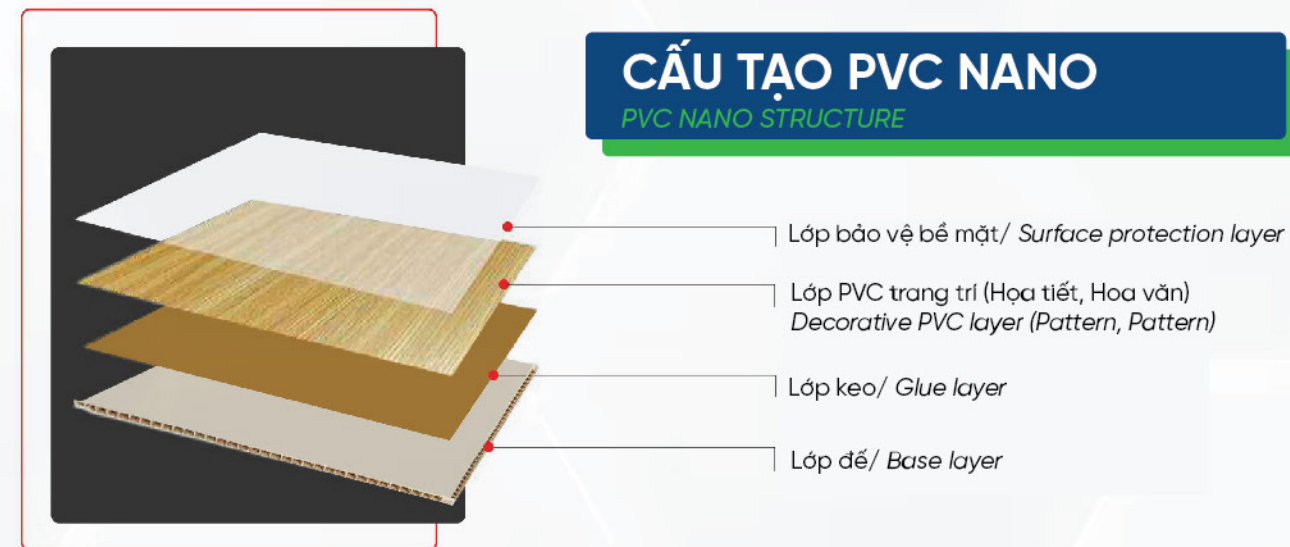
Mã: VTT SN 03 LỚN



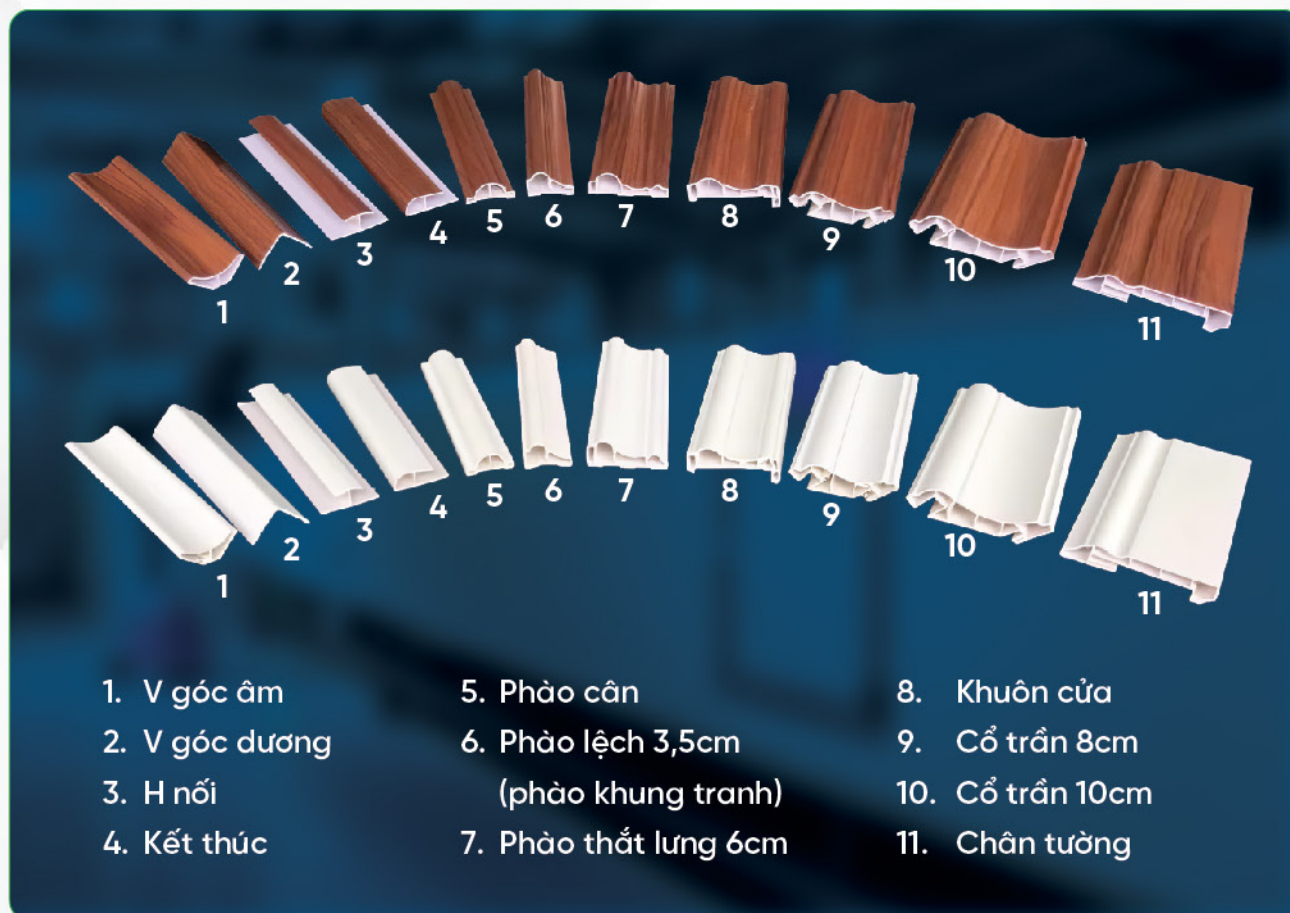
TẤM NHỰA NANO/ *NANO PLASTIC PANELS*

Tấm nhựa nano - cuộc cách mạng trong trang trí nội thất. Với thiết kế đa dạng, màu sắc phong phú, tấm nhựa nano giúp bạn tạo nên một không gian sống thật sự độc đáo. Không chỉ đẹp mắt, tấm nhựa nano còn sở hữu những ưu điểm vượt trội như chống ẩm, chống mối mọt, dễ dàng vệ sinh, bền bỉ với thời gian.

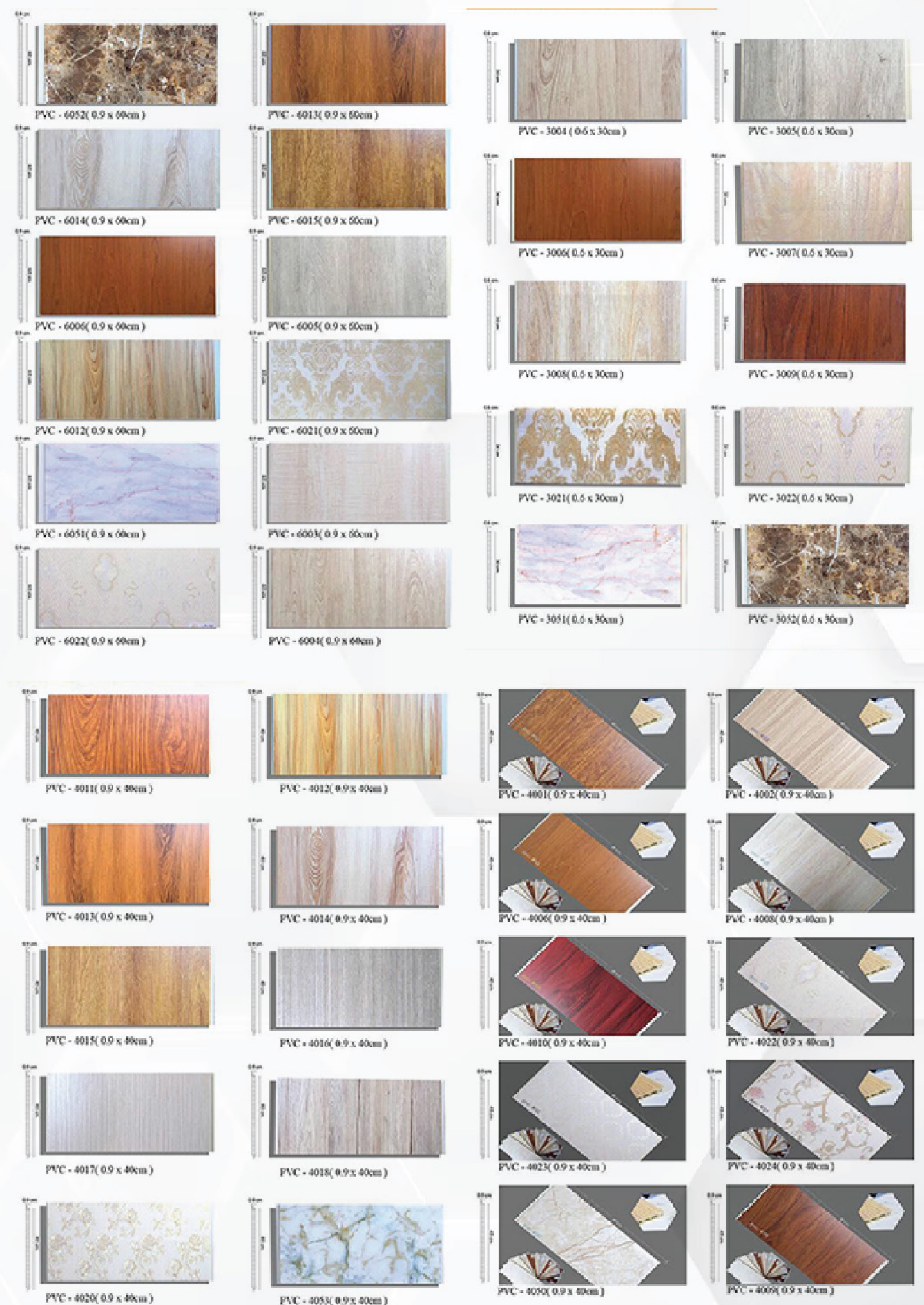
Nano plastic panels - a revolution in interior decoration. With diverse designs and rich colors, nano plastic panels help you create a truly unique living space. Not only beautiful, nano plastic panels also possess outstanding advantages such as moisture resistance, termite resistance, easy cleaning, and durability over time.



Phụ kiện/ *Accessory*



Bảng mã màu/ *Color code*





DỰ ÁN TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECT

NHÀ MÁY HÓA MỸ PHẨM KOMLIFE

KOMLIFE COSMETIC FACTORY

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch - hóa mỹ phẩm
Clean room construction - cosmetics

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU và panel EPS cách nhiệt, cách âm, chống cháy
PU panel and EPS panel for heat insulation, sound insulation, fire resistance

Địa điểm
Location

Yên Mỹ - Hưng Yên
Yen My - Hung Yen

Diện tích
Acreage

5.860,8m²



NHÀ MÁY VINFAST HẢI PHÒNG

VINFAST HAI PHONG FACTORY

Hạng mục
Category

Thi công trần vách panel PU
PU panel ceiling and wall construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU và panel EPS cách nhiệt, cách âm, chống cháy
PU panel and EPS panel for heat insulation, sound insulation, fire resistance

Địa điểm
Location

Cát Hải - Hải Phòng
Cat Hai - Hai Phong

Diện tích
Acreage

8.317m²

BỆNH VIỆN XÂY DỰNG

XÂY DỰNG HOSPITAL

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch – phòng phẫu thuật
Clean room construction – operating room

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU kháng khuẩn và panel EPS
Antibacterial PU panel and EPS panel

Địa điểm
Location

Thanh Xuân Bắc – Hà Nội
Thanh Xuan Bac – Hanoi

Diện tích
Acreage

350m²



NHÀ MÁY SANAKY

SANAKY FACTORY

Hạng mục
Category

Thi công trần vách panel PU
PU panel ceiling and wall construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU cách nhiệt, cách âm, chống cháy tốt
PU panel is heat-insulated, soundproof, and fire-resistant

Địa điểm
Location

KCN Quất Động – Thường Tín – Hà Nội
Quat Dong Industrial Park – Thuong Tin – Hanoi

Diện tích
Acreage

8.317m²

BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH PHÚC

VINH PHUC GENERAL HOSPITAL

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch - phòng phẫu thuật
Clean room construction - operating room

Loại panel sử dụng
Type of panel used

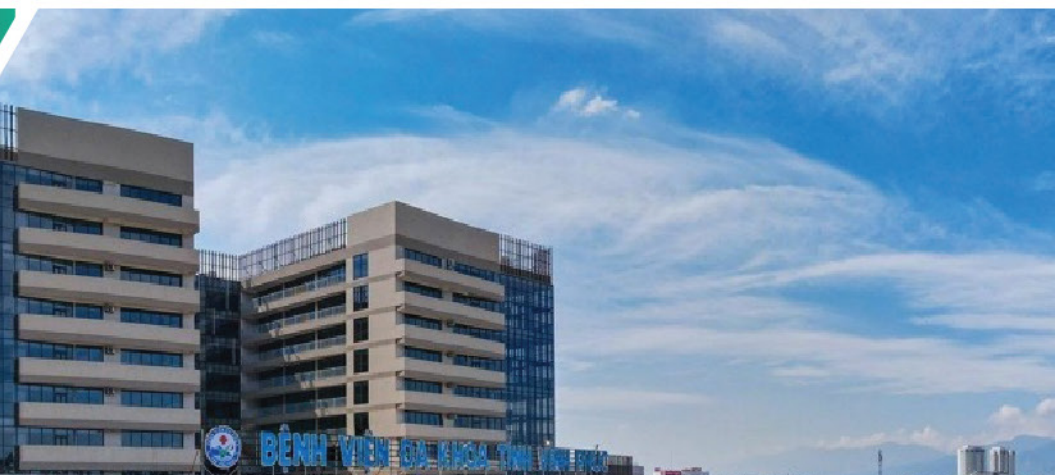
Panel PU kháng khuẩn cách nhiệt, cách âm, chống cháy tốt
PU panel is antibacterial, heat-insulated, soundproof, and fire-resistant

Địa điểm
Location

Vĩnh Phúc
Vinh Phuc

Diện tích
Acreage

2.343m²



CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT VÀ BAO BÌ THỰC PHẨM VINAKEN

VINAKEN BEVERAGE AND FOOD PACKAGING COMPANY LIMITED

Hạng mục
Category

Thi công xưởng sản xuất
Factory construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU và panel EPS cách nhiệt, cách âm, chống cháy
PU panel and EPS panel for heat insulation, sound insulation, fire resistance

Địa điểm
Location

Hiệp Hòa - Bắc Giang
Hiep Hoa - Bac Giang

Diện tích
Acreage

5.668,15m²



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO

VIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch dược phẩm
Pharmaceutical clean room construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PIR và panel EPS cách nhiệt, cách âm, chống cháy
PIR panel and EPS panel for heat insulation, sound insulation, fire resistance

Địa điểm
Location

Long Biên - Hà Nội
Long Biên - Hanoi

Diện tích
Acreage

9.128m²



CÔNG TY DƯỢC PHẨM TÂM BÌNH

TAM BINH PHARMACEUTICAL COMPANY

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch mỹ phẩm
Cosmetic clean room construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Panel PU và panel EPS
PU panel and EPS panel

Địa điểm
Location

Ninh Hiệp - Hà Nội
Ninh Hiệp - Hanoi

Diện tích
Acreage

4.388,52m²

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ NADITECH VIỆT NAM

NADITECH VIETNAM INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Hạng mục
Category

Thi công vách ngoài bằng tấm panel eps
Construction of exterior walls with eps panels

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Tấm panel vách ngoài EPS cách nhiệt, cách âm
EPS insulated and soundproof exterior wall panel

Địa điểm
Location

Ý Yên – Nam Định
Y Yen – Nam Dinh

Diện tích
Acreage

1.985m²



CÔNG TY CỔ PHẦN YẾN SÀO DTNEST KHÁNH HÒA

DTNEST KHANH HOA BIRD'S NEST JOINT STOCK COMPANY

Hạng mục
Category

Thi công xưởng sản xuất
Factory construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Tấm panel PU và panel EPS cách nhiệt, cách âm, chống cháy
PU panel and EPS panel for heat insulation, sound insulation, fire resistance

Địa điểm
Location

Nha Trang – Khánh Hòa
Nha Trang – Khanh Hoa

Diện tích
Acreage

8.153m²

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAO BÌ AVESTAR

AVESTAR PACKAGING GROUP JOINT STOCK COMPANY

Hạng mục
Category

Lắp dựng Panel trong phòng máy in Offset
Panel installation in Offset printing room

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Tấm panel Bông thủy tinh và panel EPS
Glass wool panel and EPS panel

Địa điểm
Location

Lâm Thao - Phú Thọ
Lam Thao - Phu Tho

Diện tích
Acreage

3.220m²



CÔNG TY VACOCOM

VACOCOM COMPANY

Hạng mục
Category

Thi công phòng sạch điện tử
Electronic clean room construction

Loại panel sử dụng
Type of panel used

Tấm panel Bông khoáng và panel EPS cách nhiệt, cách âm
Mineral wool panels and EPS panels for heat and sound insulation

Địa điểm
Location

Đan Phượng - Hà Nội
Dan Phuong - Hanoi

Diện tích
Acreage

8.210,6m²



ĐỐI TÁC KHÁCH HÀNG

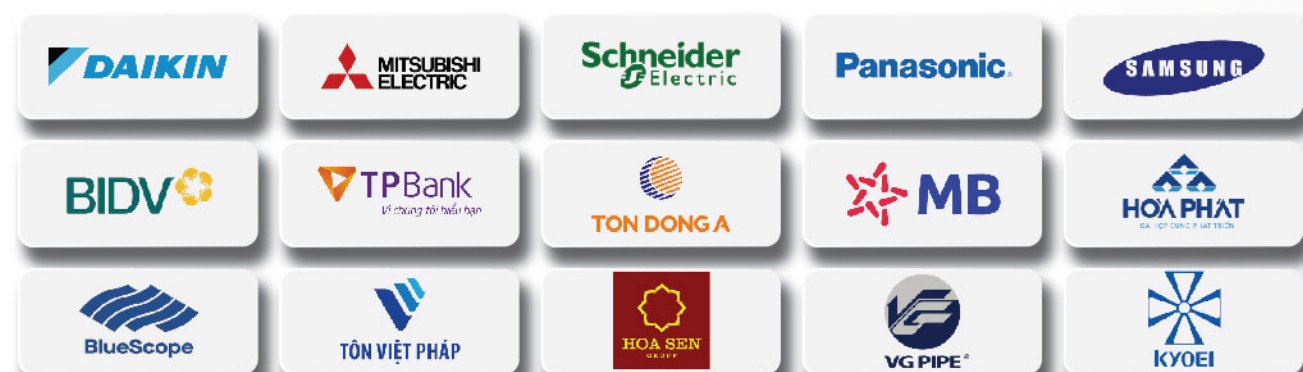
OUR CUSTOMER



Hơn 100.000 khách hàng đã tin tưởng sử dụng dịch vụ của Panel Home trong thời gian qua

Tận tâm - Uy tín - Chất lượng

ĐỐI TÁC



KHÁCH HÀNG

